TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HC-ST
Ngày: 24-7-2020
V/v khiếu kiện Quyết định hình chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tống Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quỹ

Bà Vương Thị Minh Tân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Vũ Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2020/TLST-HC ngày 17 tháng 6 năm 2020 về khiếu kiện "Giấy công nhận kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Kim Thị S - Sinh năm 1952; nơi cư trú: Xóm 13, xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2. Người bị kiện: UBND phường V, thành phố Nam Định; Địa chỉ: Số 86 đường Vị Xuyên, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Anh Tuân - Chủ tịch UBND phường V, thành phố Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Vũ Đức Hùng – Cán bộ tư pháp hộ tịch UBND phường V, thành phố Nam Định.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị Mai Hương - Sinh năm 1956; Nơi cư trú: 4/43/184 đường 19/5, phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Anh Phạm Văn Vân, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Xóm 13, xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Chị Phạm Thị Nhạn, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Xóm 1, xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định Định

- Anh Phạm Thế Quang, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số nhà 4/43/184 đường 19/5, phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- Chị Phạm Thu Trang, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số nhà 19 Huỳnh Thúc Kháng, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

(bà Sam, ông Hùng, bà Hương, chị Trang có mặt; anh Vân, chị Nhạn ,anh Quang có đơn đề nghị xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện – bà Kim Thị S trình bày: Bà và ông Phạm Thế Vinh đăng ký kết hôn năm 1971 và tổ chức cưới hỏi trong họ tộc. Hiện nay đăng ký kết hôn đã thất lạc. Sau khi kết hôn, ông Vinh đi bộ đội còn bà sống cùng gia đình chồng, thỉnh thoảng ông Vinh về quê nghỉ phép. Ông bà có hai con chung là Phạm Văn Vân - sinh năm 1973 và Phạm Thị Nhạn - sinh năm 1977. Năm 1981 ông Vinh xuất ngũ và về thành phố Nam Định an dưỡng. Tại nơi an dưỡng ông Vinh có quan hệ tình cảm với bà Đỗ Thị Mai Hương. Bà có biết chuyện nhưng vì con và hạnh phúc gia đình bà để ông Vinh đi lại hai nơi. Ông Vinh chung sống với bà Hương sinh ra 02 người con là Phạm Thu Trang và Phạm Thế Quang. Vì tôn trọng tình cảm của ông Vinh nên bà không có ý kiến gì, vẫn để ông Vinh, bà Hương và các cháu về quê khi có giỗ chạp, anh em cũng nhận nhau. Năm 2017 ông Vinh mất nên bà đã đi làm chế độ để hưởng chính sách vì ông Vinh là thương binh với thương tật 61%. Khi đó, bà mới biết bà Hương đã đi làm các chế độ chính sách của ông Vinh do bà Hương có đăng kí kết hôn với ông Vinh vào ngày 11-5-1982. Bà đã có đơn đề nghị lên Sở lao động thương binh và xã hội giải quyết việc bà là vợ hợp pháp của ông Vinh và Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định đã xác minh và bà được biết bà và ông Vinh có trích lục ly hôn năm 1981 tại Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu nên Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định đã tạm dừng cấp chế độ cho bà Hương từ tháng 02 năm 2020. Nay bà khởi kiện UBND phường V yêu cầu hủy giấy công nhận kết hôn giữa ông Phạm Thế Vinh và bà Đỗ Thị Mai Hương ngày 11-5-1982. Căn cứ để hủy Giấy công nhận kết hôn giữa bà Hương và ông Vinh là khi bà và ông Vinh đang tồn tại quan hệ hôn nhân (chưa ly hôn theo quy định của pháp luật) mà ông Vinh lại đăng ký kết hôn với bà Hương. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

2. Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - UBND phường V trình bày: Hiện tại sổ lưu kết hôn năm 1982 của phường Vị Xuyên bị thất lạc do quá trình quản lý trước đây nên hiện nay

không còn cơ sở tra cứu việc đăng ký kết hôn của ông Phạm Thế Vinh và bà Đỗ Thị Mai Hương. UBND phường V, thành phố Nam Định xác định giấy công nhận kết hôn giữa ông Phạm Thế Vinh và bà Đỗ Thị Mai Hương ngày 11-5-1982 cấp là do ông Đặng Huy Diệp – Phó chủ tịch UBND phường V ký là đúng về hình thức. Về thủ tục UBND phường V không thể biết được trích lục ly hôn giữa ông Phạm Thế Vinh và bà Kim Thị S thì giả. Vì vậy, việc yêu cầu hủy giấy công nhận kết hôn giữa ông Phạm Thế Vinh và bà Đỗ Thị Mai Hương ngày 11-5-1982 theo đề nghị của bà Kim Thị S, UBND phường V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

3. Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Mai Hương trình bày: Bà và ông Phạm Thế Vinh chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 1982 có giấy công nhận kết hôn tại UBND phường V, thành phố Nam Định cấp ngày 11-5-1982. Giấy công nhận kết hôn hiện nay bà đã nộp bản chính cho Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Nam Định. Thời gian bà và ông Vinh tìm hiểu nhau, bà có biết ông Vinh đã có vợ là bà Kim Thị S và có hai con là Phạm Văn Vân, sinh năm 1973 và Phạm Thị Nhạn, sinh năm 1977 ở quê nhưng vợ chồng ông Vinh không có hạnh phúc, sau đó ông Vinh về quê và đưa bà trích lục án ly hôn giữa ông Vinh và bà Sam. Ông bà có tổ chức cưới hỏi mời họ hàng bên gia đình bà còn bên ông Vinh có mẹ ông Vinh tham dự. Bà và ông Vinh có hai người con là Phạm Thu Trang sinh năm 1984 và Phạm Thế Quang sinh năm 1982. Ông Vinh và bà chung sống với nhau từ khi kết hôn đến khi ông Vinh mất, mọi giấy tờ chế độ đều ở thành phố Nam Định. Thỉnh thoảng, ông bà có cho các con về quê với bà nội và ở đó có bà Sam và con trai ông Vinh là anh Vân cũng ở cùng bà nội. Anh chị em con của ông Vinh vẫn nhận nhau. Mọi việc trong gia đình chồng bà đều lo chu toàn, đám tang ông Vinh cũng do mẹ con bà lo liệu, bà Sam không quan tâm và có trách nhiệm gì chỉ có chị Nhạn và anh Vân có lên Nam Định chịu tang. Sau khi ông Vinh chết vì bà là vợ của ông Vinh nên bà đã đi làm các chế độ chính sách của ông Vinh (vì ông Vinh là thương binh với thương tật 61%). Bà đã nhận hưởng chế độ từ khi ông Vinh mất đến tháng 3 năm 2020 thì bà Sam có đơn đề nghị Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định dừng chế độ của bà. Khi Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định giải quyết đơn của bà Sam bà mới biết bản trích lục ly hôn của ông Vinh và bà Sam là giả. Nay bà Sam làm đơn này khởi kiện UBND phường V yêu cầu hủy giấy công nhận kết hôn giữa ông Phạm Thế Vinh và bà thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

4. Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thu Trang trình bày: Bà Hương và ông Vinh là cha mẹ đẻ của chị. Bố mẹ chị kết hôn từ năm 1982 và chung sống sinh ra hai người con là Phạm Thu Trang và Phạm Thế Quang. Ông Vinh quê ở Hải Hậu và đi bộ đội chiến đấu, khi đó ông Vinh đã kết hôn với bà Sam. Năm 1981, ông Vinh xuất ngũ và về thành phố Nam Định an dưỡng. Khi ở nơi an dưỡng ông Vinh có gặp mẹ chị là bà Đỗ Thị Mai Hương. Hai người tìm hiểu nhau và quyết định kết hôn, ông Vinh

đã về quê ly hôn bà Sam và kết hôn với bà Hương tại UBND phường Vị Xuyên năm 1982. Từ đó ông bà chung sống tại thành phố Nam Định và không bao giờ thấy bà Sam có trách nhiệm gì với ông Vinh. Vì tôn trọng tình cảm của ông Vinh với quê nên mẹ con chị về quê vẫn biết bà Sam và nhận anh chị (con của bà Sam và ông Vinh). Mẹ chị một mình chăm lo cho ông Vinh lúc khỏe mạnh, khi ốm đau và chu toàn mọi việc trong gia đình chồng. Khi ông Vinh ốm nặng mẹ con chị chạy chữa và sau đó làm đám tang cho ông Vinh, bà Sam không có trách nhiệm gì. Sau đó bà Hương đã làm thủ tục và được hưởng chế độ của Sở lao động thương binh và xã hội cấp hàng tháng. Nay bà Sam có quan điểm khởi kiện UBND phường V tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định về việc hủy giấy công nhận kết hôn giữa ông Phạm Thế Vinh và bà Đỗ Thị Mai Hương ngày 11-5-1982. Căn cứ của việc khởi kiện của bà Sam là Đăng ký kết hôn của bà Hương và ông Vinh có khi hôn nhân giữa ông Vinh và bà Sam còn tồn tại (chưa ly hôn theo quy định của pháp luật). Trích lục ly hôn giữa bà Sam và ông Vinh năm 1981 là trích lục giả. Gia đình chị không ai biết việc này, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho bà Hương. Ngoài ra, chị không có còn yêu cầu gì khác.

5. Tại bản tự khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thế Quang trình bày thống nhất quan điểm của chị Phạm Thu Trang và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho bà Hương. Ngoài ra, anh không có còn yêu cầu gì khác.

6. Tại bản tự khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn Vân trình bày: Bà Sam và ông Vinh là cha mẹ đẻ của anh. Ông bà kết hôn từ năm 1971 và sinh ra anh là Phạm Văn Vân sinh năm 1973 và Phạm Thị Nhạn, sinh năm 1977. Ông Vinh và bà Sam có cưới hỏi và chung sống cùng gia đình nội. Ông Vinh đi bộ đội, thỉnh thoảng nghỉ phép mới về với gia đình. Năm 1981 ông Vinh xuất ngũ và về thành phố Nam Định an dưỡng. Khi ở nơi an dưỡng ông Vinh có quan hệ tình cảm với bà Đỗ Thị Mai Hương. Bà Sam có biết chuyện nhưng vì con và hạnh phúc gia đình nên bà Sam để ông Vinh đi lại hai nơi. Ông Vinh chung sống với bà Hương sinh ra 02 người con là Phạm Văn Quang và Phạm Thị Trang. Vì tôn trọng tình cảm của ông Vinh nên bà Sam và chúng tôi không có ý kiến gì, vẫn để ông Vinh, bà Hương và các em về quê khi có giỗ chạp. Anh em cũng nhận nhau. Bà Sam và ông Vinh không làm thủ tục ly hôn nhưng đến năm 2017 ông Vinh mất thì gia đình mới biết việc ông Vinh có đăng ký kết hôn với bà Hương vào ngày 11-5-1982. Bà Hương đã đi làm các chế độ chính sách của ông Vinh (vì ông Vinh là thương binh với thương tật 61%). Bà Sam đã có đơn đề nghị lên Sở lao động thương binh và xã hội giải quyết việc bà Sam là vợ hợp pháp của ông Vinh để được hưởng chế độ nhưng chưa được giải quyết. Nay bà Sam có quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định hủy Giấy công nhận kết hôn giữa ông Phạm Thế Vinh và bà Đỗ Thị Mai Hương ngày 11-5-1982 anh nhất trí và không có yêu cầu gì.

7. Tại bản tự khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Nhạn trình bày thống nhất quan điểm của anh Phạm Văn Vân. Nay bà Sam có quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định hủy Giấy công nhận kết hôn giữa ông Phạm Thế Vinh và bà Đỗ Thị Mai Hương ngày 11-5-1982 chị nhất trí và không có yêu cầu gì.

8. Các tài liệu thu thập tại Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định cung cấp:

- Công văn số 56/UBND ngày 21-8-2018 của Ủy ban nhân dân xã Hải Đường huyện Hải Hậu cung cấp thông tin: Bà Kim Thị S và ông Phạm Thế Vinh có quan hệ vợ chồng và có hai con chung là Phạm Văn Vân sinh năm 1973 và Phạm Thị Nhạn, sinh năm 1978. Ủy ban nhân dân xã Hải Đường không còn lưu trữ sổ và hồ sơ đăng ký kết hôn trước năm 1981.

- Công văn số 97/CV-TA ngày 14-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cung cấp thông tin về trích lục dân sự số 76 ngày 15-3-1981 về vụ án ly hôn giữa ông Phạm Thế Vinh và bà Kim Thị S do thẩm phán Vũ Thị Sen ký: Thời điểm năm 1976 đến năm 1991 Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu có thẩm phán Nguyễn Thị Sen, không có thẩm phán Vũ Thị Sen. Chữ ký và chữ viết trong bản trích lục dân sự số 76 ngày 15-3-1981 không phải của bà Nguyễn Thị Sen.

- Công văn số 81/CV-TA ngày 18-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cung cấp: Tra cứu số kết quả giải quyết án thì ngày 15-3-1981 Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu không giải quyết vụ án nào giữa nguyên đơn là ông Phạm Thế Vinh và bị đơn là bà Kim Thị S.

- Thông báo kết quả giám định số 169/GĐKTHS-P11 ngày 10-7-2018 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Bộ Quốc Phòng thì Bản trích lục dân sự số 76 ngày 15-3-1981 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Hà Nam Ninh nhưng trong hình dấu xác nhận mang tên "TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM NINH, T. HÀ NAM NINH".

9. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định phát biểu quan điểm:

Căn cứ Điều 25, Điều 190 của Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015 phát biểu quan điểm:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được đảm bảo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị S

và hủy Giấy công nhận kết hôn giữa bà Đỗ Thị Mai Hương và ông Phạm Thế Vinh ngày 11-5-1982 của UBND phường V, thành phố Nam Định. Án phí hành chính sơ thẩm người bị kiện phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện: Giấy công nhận kết hôn của UBND phường V, thành phố Nam Định có chứa đựng nội dung của quyết định hành chính được áp dụng một lần trong lĩnh vực tư pháp hộ tịch. Căn cứ Điều 30 Luật Tố tụng hành chính Giấy công nhận kết hôn giữa bà Đỗ Thị Mai Hương và ông Phạm Thế Vinh là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Sau khi có kết quả của các cơ quan chuyên môn Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định đã có Công văn số 2493/SLĐTBXH-NCC ngày 31/12/2019 xin ý kiến về quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Thế Vinh và bà Đỗ Thị Mai Hương. Sau đó, Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định đã làm việc với bà Kim Thị S và hướng dẫn bà Sam khởi kiện. Ngày 17/6/2020 bà Kim Thị S đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy công nhận kết hôn. Căn cứ Khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của bà Sam vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Người tham gia tố tụng:

Do xem xét giấy công nhận kết hôn giữa bà Đỗ Thị Mai Hương và ông Phạm Thế Vinh theo yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị S làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị Mai Hương, chị Phạm Thu Trang và anh Phạm Thế Quang (con của bà Hương và ông Vinh), anh Phạm Văn Vân và chị Phạm Thị Nhạn (con của bà Sam và ông Vinh) nên bà Đỗ Thị Mai Hương, chị Phạm Thu Trang và anh Phạm Thế Quang, anh Phạm Văn Vân và chị Phạm Thị Nhạn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan là cần thiết.

[4] Xét tính hợp pháp của Giấy công nhận kết hôn giữa bà Đỗ Thị Mai Hương và ông Phạm Thế Vinh:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành, về hình thức ban hành: Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 thì việc kết hôn phải được Ủy ban hành chính cơ sở nơi trú quán của bên người con trai hoặc bên người con gái công nhận và ghi vào sổ kết hôn. Vì vậy, Giấy công nhận kết hôn giữa bà Đỗ Thị Mai Hương và ông Phạm Thế Vinh ngày 11-5-1982 do ông Đặng Huy Diệp - Phó Chủ tịch UBND phường V, thành phố Nam Định nơi bà Đỗ Thị Mai Hương cư trú ký thay mặt UBND phường V, thành phố Nam Định là đúng thẩm quyền.

[4.2] Về nội dung:

Theo lời khai của bà Kim Thị S thì bà và ông Phạm Thế Vinh có đăng ký kết hôn năm 1971 nhưng nay nay đăng ký kết hôn đã thất lạc. Căn cứ vào Công văn số 56/UBND ngày 21-8-2018 của Ủy ban nhân dân xã Hải Đường huyện Hải Hậu cung cấp thì bà Kim Thị S và ông Phạm Thế Vinh chung sống với nhau và có hai con chung là Phạm Văn Vân sinh năm 1973 và Phạm Thị Nhạn, sinh năm 1978. Ủy ban nhân dân xã Hải Đường huyện Hải Hậu không còn lưu trữ sổ và hồ sơ đăng ký kết hôn trước năm 1981. Vì vậy, không có căn cứ xác định bà Kim Thị S và ông Phạm Thế Vinh có đăng ký kết hôn.

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, điểm 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03-01-2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Kim Thị S và ông Phạm Thế Vinh được xác lập trước ngày 03-01-1987 là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận.

Căn cứ Công văn số 97/CV-TA ngày 14-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và Thông báo kết quả giám định số 169/GĐKTHS-P11 ngày 10-7-2018 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Bộ Quốc Phòng thì Bản trích lục dân sự số 76 ngày 15-3-1981 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu là giả. Do đó, ông Phạm Thế Vinh và bà Kim Thị S là vợ chồng.

Căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: Cấm người đang có vợ, có chồng kết hôn với người khác. Vì vậy, Giấy công nhận kết hôn giữa bà Đỗ Thị Mai Hương và ông Phạm Thế Vinh ngày 11-5-1982 được công nhận khi ông Phạm Thế Vinh vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân với bà Kim Thị S là vi phạm quy định của pháp luật.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để hủy Giấy công nhận kết hôn giữa bà Đỗ Thị Mai Hương và ông Phạm Thế Vinh ngày 11-5-1982 của UBND phường V, thành phố Nam Định. Yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị S được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên UBND phường V, thành phố Nam Định phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959;

Căn cứ vào Điều 30, khoản 3 Điều 116, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị S.

2. Hủy Giấy công nhận kết hôn giữa bà Đỗ Thị Mai Hương và ông Phạm Thế Vinh ngày 11-5-1982 của UBND phường V, thành phố Nam Định.

3. Án phí hành chính sơ thẩm UBND phường V, thành phố Nam Định phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Vị Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tống Thị Kim Phượng